TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2023/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 12 tháng 6 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: chị Dương Thị H năm 1997.

Nơi cư trú: thôn 5, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: thôn 1, xã D, huyện V, thành phố Hải Phòng.

- Bị đơn: anh Nguyễn Văn T năm 1994.

Nơi cư trú: thôn E, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 02 tháng 6 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị H1 và anh Nguyễn Văn T1

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: chị Dương Thị H2 anh Nguyễn Văn T2 02 con chung là Nguyễn Thành Đ ngày 08/10/2017 và Nguyễn Thành C ngày 14/8/2019. Nay ly hôn, anh T3 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả 02 con chung là Nguyễn Thành Đ1 Nguyễn Thành C1 từ tháng 5 năm 2023 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H3 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Nguyễn Thành Đ2 số tiền

2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 5 năm 2023 đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có quyền qua lại thăm nom con chung không ai được phép cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: chị Dương Thị H2 anh Nguyễn Văn T4 có tài sản chung, không có nợ chung.

- Về án phí Tòa án: chị Dương Thị H4 chịu 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Dương Thị H5 nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0013634 ngày 15/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Ninh. Trả lại chị Dương Thị H6 (một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh.*
- *VKSND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND huyện H;*
- *Chi cục THADS huyện H;*
- *UBND xã Q, huyện H*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Nông Thúy Chính